

ủy quyền cho Bà Đồng Thị Q, sinh năm 1967 (Có mặt)
Cùng địa chỉ: Xóm K, xã N, huyện L, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Gia đình bà làm nghề buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm gia đình có đăng ký kinh doanh. Tháng 12/2009 gia đình bà bắt đầu bán thức ăn chăn nuôi cho anh V, chị H để anh V, chị H bán lại cho các hộ chăn nuôi khác, hình thức hai bên thỏa thuận lấy hàng chuyển sau trả tiền chuyển trước, thời gian đầu chị H, anh V thanh toán theo thỏa thuận, đến năm 2011 trở đi thì anh V, chị H không thực hiện đúng theo thỏa thuận nữa. Tính đến 30/01/2017 anh V chị H còn nợ lại số tiền là 818.744.000đ. Nay bà đề nghị anh V, chị H trả cho bà số tiền gốc là 818.744.000đ và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1,2%/tháng từ ngày 30/01/2017 là 110.340.000đ

Lời khai của bị đơn thể hiện:

Anh Trần Thế V: Anh là đại lý cấp hai kinh doanh thức ăn chăn nuôi, có mua bán với bà Q từ tháng 12/2009, khi mua bán thỏa thuận bà Q cung cấp cám cho vợ chồng anh bán lại cho bà con nhân dân rồi sau đó thu tiền trả, trong quá trình mua bán gia đình anh đã trả nhiều lần và chốt nợ nhiều lần, tính đến ngày 29/12/2016 anh chấm dứt mua cám của bà Q, hai bên chốt nợ lại là 978.744.000đ sau đó vợ chồng anh trả nhiều lần tính đến ngày 30/01/2017 còn nợ lại là 818.744.000đ. Nay bà Q yêu cầu anh trả 818.744.000đ anh đồng ý trả dần, về tiền lãi quan điểm của anh là tính theo lãi suất ngân hàng 0,75%/tháng nhưng anh không đồng ý vì khi giao hàng bà Q đã tính lãi.

Chị Trần Thị H: Chị là đại lý cấp hai kinh doanh thức ăn chăn nuôi, có mua bán với bà Q từ tháng 12/2009, khi mua bán thỏa thuận bà Q cung cấp cám cho vợ chồng chị bán lại cho bà con nhân dân rồi sau đó thu tiền trả, trong quá trình mua bán gia đình anh đã trả nhiều lần và chốt nợ nhiều lần, tính đến ngày 29/12/2016 chấm dứt mua cám của bà Q, hai bên chốt nợ lại là 978.744.000đ sau đó vợ chồng chị trả nhiều lần tính đến ngày 30/01/2017 còn nợ lại là 818.744.000đ. Nay bà Q yêu cầu chị trả 818.744.000đ chị đồng ý trả dần, về tiền lãi quan điểm của chị là tính theo lãi suất ngân hàng 0,75%/tháng nhưng chị không đồng ý vì khi giao hàng bà Q đã tính lãi.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Đồng Văn T thể hiện: Ông và anh V, chị H có quan hệ họ hàng từ tháng 12/2009 gia đình bắt đầu bán thức ăn chăn nuôi cho anh V, chị H để anh V, chị H bán lại cho các hộ chăn nuôi khác, hình thức hai bên thỏa thuận lấy hàng chuyển sau trả tiền chuyển trước, thời gian đầu chị H, anh V thanh toán theo thỏa thuận, đến năm 2011 trở đi thì anh V, chị H không thực hiện đúng theo thỏa thuận nữa, đến ngày 01/6/2016 hai bên thỏa thuận tính lãi là 1,2%/tháng. Tính đến 30/01/2017 anh V chị H còn nợ lại số tiền là 818.744.000đ. Nay ông đề nghị anh V, chị H trả cho bà số tiền gốc là 818.744.000đ và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1,2%/tháng từ ngày 30/01/2017 là 110. 340.000đ

Tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Bị đơn xác định còn nợ lại số tiền gốc là 818.744.000đ đề nghị được trả dần, về tiền lãi đề nghị được xét xử theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng; thủ tục thụ lý vụ án;

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Chưa chấp hành đúng với quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chấp hành đúng quy định Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự về nội quy phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chấp hành đúng quy định Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự về nội quy phiên tòa.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị Q, buộc anh V chị H phải liên đới trả cho bà Q, ông T số tiền gốc còn nợ là 818.744.000đ , tiền lãi là 134.901.719đ

- Án phí: anh V, chị H phải chịu án phí

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thông báo cho các đương sự đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh V, chị H không đến do vậy Tòa án không tiến hành và mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Chị H, anh V được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh V.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đồng Thị Q có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể, anh V, chị H làm đại lý cấp hai mua cám của bà Q bán lại mục đích thu lợi nhuận do đó đây là tranh chấp kinh doanh thương mại hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện.

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 818.744.000đ và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1,2%/tháng từ ngày 30/01/2017 đến nay tính tròn là 18 tháng.

Về số tiền gốc 818.744.000đ anh V, chị H có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với bà Q, ông T mục đích bán lại cho các hộ dân. Thời điểm bắt đầu thực hiện hợp đồng từ tháng 12/2009 đến ngày 29/12/2016 hai bên chấm dứt việc mua bán hàng hóa, hai bên chốt nợ lại là 978.744.000đ sau đó vợ chồng anh Vinh trả nhiều lần tính đến ngày 30/01/2017 còn nợ lại là 818.744.000đ. Anh V, chị H thừa nhận số tiền còn nợ lại này do đó xác định số nợ gốc anh V, chị H còn nợ lại là 818.744.000đ

Về tiền lãi: Tòa án thấy rằng việc hợp đồng mua bán giữa anh V, chị H và bà Q, ông T là hợp đồng kinh doanh thương mại do đó theo án lệ số 09/2016/AL, quy định “*Tòa án cần lấy mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất ba ngân hàng tại địa phương để tính lại tiền lãi do chậm thanh toán*”.

Tòa án xác minh tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Đông Á, Ngân hàng Techcombank lãi suất quá hạn hiện nay là 150% lãi suất trong hạn. Hiện nay lãi suất quá hạn đối với hợp đồng vay dài hạn (trên 05 năm) Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn là 15,75%/năm; Techcombank là

17,04%/năm; Đông Á là 16,5%/năm, trung bình lãi suất quá hạn của ba ngân hàng là 16,43%/năm tương ứng với 1,36%/tháng.

Tại phiên tòa bà Q, ông T yêu cầu lãi là 1,2% thấp hơn mức trung bình của ba ngân hàng, đây là yêu cầu tự nguyện của nguyên đơn. Bà Q, ông T yêu cầu lãi từ ngày 30/01/2017 đến nay tính tròn là 18 tháng: $818.744.000đ \times 18 \text{ tháng} \times 1,2\% = 176.848.000đ$ là phù hợp với án lệ 09/2016/AL và Điều 306 Luật thương mại nên được chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Anh V, chị H là vợ chồng kinh tế phát triển chung do đó căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình, anh V, chị H phải có trách nhiệm liên đới trả bà Q, ông T.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của bà Q là có căn cứ nên cần buộc anh V chị H phải liên đới trả cho bà Q, ông T số tiền gốc là 818.744.000đ và tiền lãi là 176.848.000đ

Đề đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án cần áp dụng Điều 305 Luật thương mại

Yêu cầu của bà Q là có căn cứ được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Anh V, chị H phải chịu án phí theo quy định

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 24, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại 2005; Khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 143, Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị Q buộc anh Trần Thế V và chị Trần Thị H phải liên đới thanh toán cho bà Đồng Thị Q và ông Đồng Văn T số tiền gốc là 818.744.000đ và tiền lãi là 176.848.000đ, tổng cả gốc và lãi là 995.592.000đ (*Chín trăm chín mươi lăm triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Q, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, chị H, anh V không thanh toán hết, thì chị H, anh V còn phải chịu lãi suất quá hạn đối với số tiền chậm trả, theo lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Anh Trần Văn Vinh và chị Trần Thị H phải chịu 41.867.760đ tiền án phí

Bà Đồng Thị Q không phải chịu án phí, hoàn trả bà Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.935.000đ tại biên lai thu số AA/2014/0004232 ngày 05/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện